

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Sterocoll® BL

Sử dụng: thickener for coating colours

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

polyacrylamide, anion được biến đổi

được nhũ tương hoá trong: Hydrocacbon béo
, water

Thành phần nguy hại

Hydrocarbons, C12-C15, n-alkanes, isoalkanes, cyclics, < 2% aromatics

Hàm lượng (W/W): $\geq 20\%$ - $\leq 30\%$ Asp. Tox.: Cat. 1

Số CAS: 64742-47-8

isotridecanoethoxylate

Hàm lượng (W/W): $\geq 2\%$ - $\leq 3\%$ Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Số CAS: 69011-36-5 Aquatic Acute: Cat. 2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Nếu cảm thấy khó chịu: Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to. Nếu càng lúc trở nên sưng tấy lên, gọi bác sĩ.

Khi nuốt phải:
Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Những mối nguy hiểm: Không có các mối nguy hiểm trong các ứng dụng sản phẩm hoặc khi sử dụng thích hợp.
Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:
các oxit cacbon, các oxit nitơ
Sản phẩm tràn đổ gây trơn trượt.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:
Đưa ra phương thức bảo vệ thích hợp.

Cảnh báo môi trường:
Không thải vào tầng đất nền/đất. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát) Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.
Cho lượng lớn: Không pha sản phẩm với nước. Rãnh chống tràn đổ. Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Tránh tiếp xúc với da và mắt
Tránh làm lạnh.

Phòng chống cháy nổ:
Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4301 (V2), Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP), Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, được tráng men

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

Tính ổn định lưu trữ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Nhiệt độ lưu trữ: 5 - 30 °C

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 5 °C

Sản phẩm được đóng gói bị phá hủy ở nhiệt độ thấp hoặc do đóng băng.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 30 °C

Sản phẩm được đóng gói sẽ bị phá hủy ở nhiệt độ cao.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Distillates (petroleum), hydrotreated ligh, 64742-47-8;

Giá trị TWA 200 mg/m³ (ACGIHTLV), không phải dạng aerosol (sol khí)

Đo được khi: tổng chất bay hơi hữu cơ

Ứng dụng bị hạn chế khi điều kiện tiếp xúc với aerosol ít.

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), không phải dạng aerosol (sol khí)

Đo được khi: tổng chất bay hơi hữu cơ

Nguy cơ hấp thụ qua da

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: nhũ tương

Màu sắc: trắng nhạt

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025

Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Mùi:	Đục vẫn béo
Ngưỡng mùi:	không được xác định
Giá trị pH:	tương đương 5 - 8 (5 g/l)
khoảng làm lạnh:	tương đương 0 °C
Điểm sôi:	tương đương 100 °C (760 mmHg)
Điểm chớp cháy:	> 100 °C
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Không có sẵn các dữ liệu.
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.
Nhiệt độ tự cháy:	> 200 °C
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.
Tự bắt cháy:	không tự cháy
Nguy cơ nổ:	không nổ
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan
Áp suất hơi:	0.003 hPa (20 °C)
Tỷ trọng:	tương đương 1.05 g/cm ³ (20 °C)
Tỷ trọng tương đối:	tương đương 1.05 (20 °C)
Tỷ trọng hơi (không khí):	Không có sẵn các dữ liệu.
Tính tan trong nước:	có thể pha trộn
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không được xác định
Tính nhớt, động lực:	300 - 1,200 mPa.s
Tính nhớt, động học:	> 20.5 mm ² /s (40 °C)

(Phương pháp của BASF)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:
Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:
các tác nhân oxy hóa

Những phản ứng nguy hiểm:
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Các sản phẩm có thể phân giải nhiệt:
carbon monoxide, carbon dioxide
các oxit nitơ

Tính ổn định hóa học:
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): > 5,000 mg/kg

Độ độc cấp tính khi hít phải

(bằng cách hít phải): Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Độ độc cấp tính trên da

(da): Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không kích ứng cho mắt và da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: không gây kích ứng (Hướng dẫn OECD 437)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có tác dụng mẫn cảm.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên cấu trúc, không có nghi ngờ về một hiệu ứng gây biến đổi gen.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không phải là chất gây ung thư (dựa trên thành phần sản phẩm).

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Không cho thấy khả năng gây độc tính sinh sản. (dựa trên thành phần hoá học).

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên thành phần sản phẩm, hoàn toàn không có mối nguy cơ gây biến đổi di truyền.

Thực nghiệm trên con người

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Tiếp xúc lâu dài có thể dẫn đến khô da.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Chưa có thông tin

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD - Hướng dẫn 203)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Loài không xương sống thủy sinh:

LC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 100 mg/l, *Scenedesmus subspicatus* (Hướng dẫn OECD 201)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin về tính ổn định trong nước (Thủy phân):

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải vào đất, luồng nước hay các kênh rạch nước thải.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
 Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk according to IMO instruments

Maritime transport in bulk is not intended.

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 07.05.2025
Sản phẩm: **Sterocoll® BL**

Phiên bản: 1.0

(30054405/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất.

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.